

Bản án số: 28/2021/DS - ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2021
V/v “*Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhớ

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyễn Viết Cường - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 30/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2021/TLST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST - DS ngày 06/9/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2021/QĐST-DS ngày 20/9/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Thanh H, sinh năm 1988; Địa chỉ: đường Bùi Tá Hán, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc B. Địa chỉ: đường Hùng Vương, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Kim T, sinh năm 1964. đường Hùng Vương, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Kim H. Địa chỉ: đường Hùng Vương, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 19/3/2021, nội dung tại các phiên hòa giải của nguyên đơn thể hiện:

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, bà Nguyễn Thị Ngọc B có nhu cầu trang trí tiệc cưới cho con trai tại 02 tư gia nhà trai, tư gia nhà gái và nhà hàng tiệc cưới.

Sau khi thỏa thuận, tôi (Huỳnh Thanh H) và bà Bích đồng ý ký Hợp đồng kinh tế về hợp tác và cung cấp dịch vụ trang trí cưới hỏi năm 2020 số ...2020/HĐKT/HALI Decor...giá trị sử dụng dịch vụ trang trí trọn gói là 63.000.000đ (sáu mươi ba triệu đồng); tại mục 3 điều 1 của Hợp đồng thì tiền sử dụng dịch vụ phải được bên B (bà B) thanh toán 50% cho bên A (ông H) ngay sau khi ký hợp đồng, tuy nhiên bà Nguyễn Thị Ngọc B mới đặt cọc số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Ngay sau khi Hợp đồng được ký, cơ sở chúng tôi tiến hành triển khai thực hiện đúng thời gian quy định của Hợp đồng và lần lượt trang trí xong tại tư gia nhà gái (khoảng 50% giá trị của công trình) và vận chuyển vật tư đến nhà trai để tiếp tục trang trí. Vào thời điểm này, thành phố có chủ trương nghiêm cấm các hoạt động tụ tập đông người để phòng chống đại dịch Covid 19 tái phát lần thứ hai tại Đà Nẵng. Thực hiện chủ trương đó, hai bên chúng tôi thống nhất tạm dừng trang trí và cơ sở chúng tôi tiến hành tháo dỡ, vận chuyển dụng cụ, vật tư về. Đồng thời, chờ khi có chủ trương mới của thành phố công bố hết dịch mới thông tin cho nhau và tiếp tục thực hiện Hợp đồng đã ký.

Tuy nhiên, khi thành phố Đà Nẵng trở lại hoạt động bình thường thì bà B tự ý hủy hợp đồng và thuê một đơn vị khác để thực hiện trang trí tiệc cưới. Mặc dù đã nhiều lần chúng tôi gọi điện thoại để hai bên thống nhất thời gian tiếp tục thực hiện Hợp đồng. Hành động đó đã gây thiệt hại cho cơ sở chúng tôi và vi phạm các điều khoản đã ký trong hợp đồng.

Vì lẽ đó, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B:

1. Không thực hiện thanh toán cho bên A theo điểm 1.3.1, khoản 1.3 Điều 1 về thời hạn hợp đồng, tiền và thanh toán được ký kết tại Hợp đồng kinh tế hợp tác và cung cấp dịch vụ trang trí cưới hỏi năm 2020 số ...2020/HĐKT/HALI Decor...ngày 26 tháng 6 năm 2020. Theo quy định thời hạn thanh toán của hợp đồng, cụ thể: Tiền sử dụng dịch vụ phải được bên B thanh toán 50% cho bên A ngay sau khi ký hợp đồng.

2. Bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng, vi phạm điểm 1.1.2 Điều 1 về thời hạn hợp đồng, tiền và thanh toán được ký kết tại hợp đồng kinh tế ngày 26 tháng 6 năm 2020, cụ thể: Bên B phải đảm bảo sử dụng dịch vụ của bên A trong 03 ngày kể từ ngày trang trí ký hợp đồng. Nếu bên B chấm dứt hợp đồng trước thời hạn đã ký mà không thuộc trường hợp được quyền chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo quy định của Hợp đồng, bên B phải thông báo trước 10 ngày cho bên A và bên B chịu toàn bộ giá trị hợp đồng, cụ thể số tiền bên B phải bồi thường cho bên A là 63.000.000đ (Sáu mươi ba triệu đồng).

Tại phiên tòa ông Huỳnh Thanh H rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Ông Huỳnh Thanh H chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc B phải thanh toán 50% giá trị theo hợp đồng đã thỏa thuận tại mục 3 điều 1 của Hợp đồng cũng như phần công trình đã hoàn thành tại tư gia nhà gái tương đương số tiền 31.500.000đ và trừ đi số tiền 7.000.000đ mà bà Nguyễn Thị Ngọc B đã đặt cọc, chuyển khoản trước đây, số tiền còn lại bà B phải thanh toán là 24.500.000đ (hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Không yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc B thanh toán 50% giá trị của hợp đồng chưa thi công (theo thỏa thuận tại Hợp đồng là thanh toán 50 % còn lại sau khi sử dụng dịch vụ).

- Tại các bản trình bày, đề nghị; nội dung tại các phiên hòa giải và trình bày tại phiên tòa của đại diện bị đơn thể hiện:

Thứ nhất: Bà Nguyễn Thị Ngọc B có yêu cầu ông H trang trí đám cưới tại tư gia hai bên gia đình và nhà hàng dự định tổ chức hôn lễ vào ngày 29/7/2020. Tuy nhiên, ngày hôn lễ 29/7/2020 bị hoãn do đại dịch Covid, cụ thể:

Ngày 25/7/2020 có thông báo yêu cầu toàn dân dân cách xã hội để ngăn chặn dịch lây lan. Cho nên nhà hàng tiệc cưới thông báo hủy tổ chức buổi chiêu đãi khách tại nhà hàng.

Ngày 27/7/2020 UBND thành phố Đà Nẵng có công văn yêu cầu nhân dân thành phố Đà Nẵng nghiêm túc tuân thủ. Trên cơ sở đó tôi và ông H thống nhất không thực hiện trang trí hôn sự của 2 con chúng tôi ngày 29/7/2020.

Thứ hai: Bà Nguyễn Thị Ngọc B chưa ký hợp đồng kinh tế với ông H vì:

+ Chúng tôi thống nhất thỏa thuận: Chỉ đặt cọc ông H 5.000.000đ để xúc tiến công việc trang trí tiệc cưới, không thống nhất thanh toán 50%, đến ngày trang trí sẽ thanh toán tiền còn lại của hợp đồng (vì chưa biết chất lượng dịch vụ như thế nào). Sau đó, chúng tôi đã chuyển thêm cho phía ông H số tiền 2.000.000đ (qua tin nhắn điện thoại).

+ Việc thi công trang trí: Ngày 27/7/2020 có thông báo chính thức yêu cầu dừng mọi hoạt động đông người của UBND thành phố Đà Nẵng, chúng tôi buộc phải hoãn hôn lễ của hai con nên không tiến hành thi công trang trí không gian cưới. Như vậy không thi công trang trí tiệc cưới sẽ không làm phát sinh chi phí trang trí.

Từ những lý do trên, ý kiến về nội dung kiện:

Ông H khởi kiện bà B số tiền 63.000.000đ là không có cơ sở, bởi lẽ:

- Thực tế, tôi chỉ cọc để xúc tiến công việc, không cùng ông H ký kết hợp đồng, nội dung hợp đồng chưa thống nhất và không xác định ngày ký.

- Ông H không thi công thì sẽ không làm phát sinh chi phí nên không có cơ sở để đòi tiền.

- Quan trọng, do hoàn cảnh khách quan nên tiệc cưới không tổ chức được, đây là điều không may mắn của chúng tôi, đơn vị thi công nên chia sẻ. Theo luật theo lẽ thường, trường hợp này ông H phải hoàn trả tiền cọc cho tôi vì do lỗi khách quan. Tuy nhiên đây là điều không mong muốn nên gia đình chúng tôi không lấy lại tiền cọc xem như khoản bù đắp chia sẻ đôi bên.

Bị đơn xác nhận ông Huỳnh Thanh H có thi dịch vụ công trang trí đám cưới tại nhà gái (khoảng 50% công trình).

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc B phải thanh toán 50% giá trị theo hợp đồng đã thỏa thuận tại tại mục 3 điều 1 của Hợp đồng cũng như phần công trình đã hoàn thành tại tư gia nhà gái tương đương số tiền 31.500.000đ và trừ đi số tiền 7.000.000đ mà bà Nguyễn Thị Ngọc B đã đặt cọc, chuyển khoản trước đây, số tiền còn lại bà B phải thanh toán là 24.500.000đ (hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) thì chúng tôi không chấp nhận.

- Tại đơn trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Kim H thể hiện:

Thứ nhất: Về nội dung vụ việc

1. Bản chất vấn đề:

Nhờ sự quen biết với gia đình nên chúng tôi có đề nghị ông H trang trí tiệc cưới của vợ chồng chúng tôi. Tuy nhiên, sự cố khách quan ngoài ý muốn do dịch bệnh Covid 19 nên phải dừng lại do có chỉ thị chung của thành phố Đà Nẵng (trong đó có tiệc nhà hàng, mâm quả...không phải riêng việc trang trí) nhưng gia đình chúng tôi cũng đã vui vẻ không rút lại 5 triệu đồng tiền cọc và chuyển khoản thêm 2 triệu đồng nữa cho việc bù tiền xăng vận chuyển dụng cụ trang trí (tôi khẳng định lúc này vẫn chưa thật sự phát sinh vật phẩm trang trí chỉ là công cụ thô sơ như quạt điện, phong màn...). Như vậy về tình và lý, gia đình chúng tôi đã cư xử đúng đắn và hai bên cũng vui vẻ chấp nhận ruit ro tình hình dịch bệnh.

2. Về phương thức khởi kiện:

Khoảng cuối năm 2020, ông H khởi kiện tôi tại Tòa án Thanh Khê yêu cầu số tiền 63 triệu đồng về trang trí tiệc cưới nhưng Tòa án không thụ lý vì lý do đây không phải hợp đồng kinh tế được ký kết đúng theo hình thức lẫn nội dung vì chưa làm phát sinh chi phí thì làm sao có nghĩa vụ thanh toán do điều kiện hoàn cảnh khách quan.

3. Các chứng cứ cung cấp khởi kiện:

Ông H đã cung cấp chứng cứ không đầy đủ hòng bóp méo bản chất vấn đề theo hướng có lợi cho ông H:

- Lướt bỏ những tin nhắn của chúng tôi

- Chỉ đưa những tin nhắn...nhằm mục đích ràng buộc
- Không thừa nhận khoản tiền đặt cọc của gia đình và tiền đưa thêm 2 triệu đồng là để chia sẻ rủi ro kinh doanh.

- Bản thân "Hợp đồng dịch vụ" ông H cũng đã phản ánh đây là đặt cọc cho một giao dịch sắp xảy ra chứ không phải hợp đồng kinh tế đúng hình thức (nếu đúng hình thức thì ông H kiện tôi lâu rồi).

Thứ hai, về tham gia các buổi làm việc tại Tòa án:

Tôi đề nghị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê chấp thuận tôi không tham dự các buổi hòa giải cũng như các phiên tòa xét xử liên quan đến vụ án này. Vì:

Trên cơ sở bản trình bày này trên đây là hoàn toàn sự thật về bản chất của vụ việc:

- Không phát sinh dịch vụ thì làm sao phát sinh chi phí
- Nếu cho rằng dựa trên hợp đồng để khởi kiện thì hình thức hợp đồng không đúng nên Tòa án đã bác đơn khởi kiện của ông H năm 2020 rồi.

- Dịch vụ không phát sinh do hoàn cảnh khách quan

- Một thực tế mà ông H không đề cập và tôi cũng không muốn nhắc nhưng nay tôi phải nói: gia đình tôi đã nhiều lần phản ánh chất lượng và thời gian dịch vụ kém nên không muốn ông H trang trí tiệc cưới tiếp diễn lần sau

(nhưng ông H nhằm lẫn rằng: nếu có tổ chức tiệc cưới lần sau buộc chúng tôi phải để ông H trang trí nếu không sẽ vi phạm cam kết nhưng không ngộ ra rằng ông H làm việc không đúng yêu cầu nên chúng tôi không thuê ông H nữa. hơn nữa, sự kiện trang trí lần trước và lần sau hoàn toàn không liên quan đến thỏa thuận các bên nên không có nghĩa vụ ràng buộc).

Tóm lại về tình và lý, ông H khởi kiện gia đình chúng tôi là hoàn toàn phi lý. Giải sử, bản án này chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H thì còn gì nữa là công bằng pháp luật, còn gì gọi là đạo đức kinh doanh: đập lên hoàn cảnh hòng lấy tiền của người khác bằng cách tự viết tự biên để cột người khác chăng?

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ về việc hợp tác và cung cấp dịch vụ trang trí cưới hỏi, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B có địa chỉ cư trú tại đường Hùng Vương, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Do đó căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh H nộp đúng trình tự thủ tục; thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Huỳnh Kim H tham gia phiên tòa đến lần thứ hai và ông Huỳnh Kim H đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ điểm d khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Huỳnh Kim H.

Về nội dung vụ án:

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung tại các bản trình bày, nội dung tại các phiên hòa giải và tranh tụng tại phiên tòa của các đương sự thể hiện:

Vào ngày 26 tháng 6 năm 2020, ông Huỳnh Thanh H (chủ tiệm Dịch vụ Trang trí HALI DECOR Wedding &Event) là bên (A) và bà Nguyễn Thị Ngọc B là bên (B) có ký với nhau Hợp đồng kinh tế về hợp tác và cung cấp dịch vụ trang trí cưới hỏi năm 2020 số ...2020/HĐKT/HALI Decor...hai bên thỏa thuận bên (A) cung cấp dịch vụ trang trí tiệc cưới tại tư gia nhà gái, nhà trai và nhà hàng cho bên (B). Giá trị sử dụng dịch vụ trang trí là 63.000.000đ (sáu mươi ba triệu đồng); Thời hạn thanh toán: Tiền sử dụng dịch vụ phải được bên B thanh toán 50% cho bên A ngay sau khi ký hợp đồng, thanh toán 50 % còn lại sau khi sử dụng dịch vụ; Thời gian sử dụng dịch vụ: 09h30 ngày 26/7/2020 đến 15h30 ngày 30/7/2020; tại thời điểm ký hợp đồng bên A (ông Huỳnh Thanh H) nhận 5.000.000đ tiền cọc của bên B (bà Nguyễn Thị Ngọc B).

Như vậy, đây là Hợp đồng dịch vụ là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó ông Huỳnh Thanh H là bên cung ứng dịch vụ thực hiện việc trang trí tiệc cưới tại tư gia nhà trai, nhà gái và nhà hàng cho bên sử dụng dịch vụ là gia đình bà Nguyễn Thị Ngọc B, việc ký kết hợp đồng là sự tự nguyện của các bên, nội dung không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ được quy định tại Điều 385, 513 và Điều 514 của Bộ luật Dân sự. Do đó, việc bà Nguyễn Thị Ngọc B cho rằng chỉ đặt cọc ông H 5.000.000đ để xúc tiến công việc trang trí tiệc cưới, không thống nhất thanh toán 50%, đến ngày trang trí sẽ thanh toán tiền còn lại của hợp đồng (vì chưa biết chất lượng dịch như thế nào) là không có cơ sở.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất sau khi ký hợp đồng thì ông Huỳnh Thanh H đã tiến hành trang trí tiệc cưới tại tư nhà gái (khoảng 50% công trình). Tuy nhiên, ngày 27/7/2020 UBND thành phố Đà Nẵng ban hành công văn số 4930/UBND-SYT thực hiện cách ly xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống COVID-19, do đó

việc hai bên thống nhất tạm dừng việc trang trí hôn sự và gia đình bà Nguyễn Thị Ngọc B phải hoãn hôn lễ cho con trai ngày 29/7/2020.

Sau UBND thành phố Đà Nẵng trở lại trạng thái bình thường cũ thì gia đình bà Nguyễn Thị Ngọc Bích không tiếp tục sử dụng dịch vụ trang trí tiệc cưới của ông Huỳnh Thanh Hải nữa, vì gia đình bà B cho rằng ông Huỳnh Thanh H không đáp ứng chất lượng cho việc trang trí tiệc cưới đồng thời đã chuyển khoản thêm cho ông Huỳnh Thanh H số tiền 2.000.000đ cho việc bù tiền xăng xe vận chuyển dụng cụ trang trí.

[5] Bị đơn cho rằng việc ông Huỳnh Thanh H khởi kiện bà Nguyễn Thị Ngọc B là không có cơ sở, vì ông H không thi công thì sẽ không làm phát sinh chi phí nên không có cơ sở để đòi tiền.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tại mục 3 điều 1 của Hợp đồng quy định cụ thể thời hạn thanh toán " *Tiền sử dụng dịch vụ phải được bên B thanh toán 50% cho bên A ngay sau khi ký hợp đồng, thanh toán 50 % còn lại sau khi sử dụng dịch vụ* ", như vậy đáng lẽ ra ngay sau khi ký hợp đồng bên B (bà Nguyễn Thị Ngọc B) phải thanh toán ngay cho ông Huỳnh Thanh H 50% giá trị của hợp đồng tương đương số tiền 31.500.000đ chứ không phải đặt cọc số tiền 5.000.000đ để xúc tiến công việc trang trí tiệc cưới như trình bày của bị đơn. Ngoài ra cả hai bên đều thống nhất thừa nhận sau khi ký hợp đồng thì ông Huỳnh Thanh H đã tiến hành trang trí tại tư gia nhà gái (khoảng 50% công trình).

Như vậy, xét yêu cầu tại phiên tòa của ông Huỳnh Thanh H là có căn cứ, vì vậy cần buộc bà Nguyễn Thị Ngọc B phải thanh toán cho ông Huỳnh Thanh H 50% giá trị hợp đồng tương đương số tiền 31.500.000đ và được trừ 7.000.000đ mà bà B đã đặt cọc và chuyển khoản cho ông Hải, do đó bà Nguyễn Thị Ngọc B phải thanh toán số tiền còn lại cho ông Huỳnh Thanh H là 24.500.000đ là hoàn toàn phù hợp với điều khoản đã quy định của Hợp đồng mà hai bên đã ký kết và quy định tại điều 519 của Bộ luật Dân sự.

[6] Tại phiên tòa ông Huỳnh Thanh H không yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc B thanh toán 50% giá trị của hợp đồng chưa thi công (*theo thỏa thuận tại Hợp đồng là thanh toán 50 % còn lại sau khi sử dụng dịch vụ*) tương đương số tiền 31.500.000đ. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, nên căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này.

[7] Vì chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu là: $24.500.000 \text{ đ} \times 5\% = 1.225.000\text{đ}$ (một triệu hai trăm hai lăm nghìn đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 513, Điều 519 của Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (V/v quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án).

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*" của ông Huỳnh Thanh H đối với bà Nguyễn Thị Ngọc B.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc B phải trả cho ông Huỳnh Thanh H số tiền 24.500.000đ (*hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh H đối với bà Nguyễn Thị Ngọc B phải trả số tiền 31.500.000đ (*ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng*).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu 1.225.000đ (một triệu hai trăm hai lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Huỳnh Thanh H số tiền tạm ứng án phí 1.575.000đ (một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0009105 ngày 31/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

4. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hữu Khánh

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

